

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: **16/2018/HS-ST**
Ngày 27 - 3 - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Âu;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Hải và ông Điều Nhót.

- Thư ký phiên toà: Ông Lý Ngọc Thuyết – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông (TAND huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông) mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/TLST-HS, ngày 12 tháng 02 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Việt T, sinh năm 1979, tại tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Bon P, xã T, huyện S, tỉnh Đăk Nông; trình độ văn hóa: 05/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Bỳ Thị X; có vợ Vũ Thị H; có 03 con; Nhân thân: Ngày 25/01/2011 bị TAND huyện S, tỉnh Đăk Nông xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 01 tháng 12 ngày về tội “ĐA BẠC”; Tại bản án số 06/2013/HSST ngày 04/02/2013 bị TAND huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông xử phạt 07 tháng tù về tội “ĐA BẠC”, bị cáo kháng cáo, tại bản án số 49/2013/HSPT ngày 08/5/2013 bị TAND tỉnh Đăk Nông xử phạt 03 tháng tù về tội “ĐA BẠC”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, ngày 04/5/2017 bị cáo chấp hành xong phần án phí và hình phạt bổ sung của bản án số 06/2013/HSST ngày 04/02/2013 của TAND huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông; Tại bản án số 56/2017/HSST ngày 16/11/2017 bị TAND huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông xử phạt 02 năm tù về tội “ĐA BẠC”, bị cáo kháng cáo, tại bản án số 26/2018/HSPT ngày

06/3/2018 bị TAND tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm tù về tội “ĐA bạc”, bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2017 đến 31/01/2018, tại ngoại - có mặt.

2. Vũ Văn B, sinh năm 1973 tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn 6, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn B1 và bà Trần Thị N (đã chết) ; Có vợ Trần Thị H; có 03 con; Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/11/2017 đến ngày 06/11/2017, tại ngoại - có mặt.

3. Lê Ngọc A, sinh năm 1972 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Ngọc N và bà Trần Thị L; có chồng Lê Minh T; có 03 con; Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/11/2017 đến ngày 06/11/2017, tại ngoại - có mặt.

4. Trần Thị H, sinh năm 1978 tại tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: Thôn 6, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 05/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc V và bà Đỗ Thị B; có chồng Lâm Văn T; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Nhân thân: Tại bản án số 06/2012/HSST ngày 18/7/2012 bị TAND huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Cướp tài sản”, đã được xóa án tích; Tại bản án số 56/2017/HSST ngày 16/11/2017 bị TAND Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo đang hoãn chấp hành hình phạt tù do nuôi con dưới 36 tháng tuổi; bị bắt tạm giữ từ ngày 03/11/2017 đến 10/11/2017, tại ngoại - có mặt.

5. Đặng Thị Q, sinh năm 1984 tại tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Công L (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có chồng Lê Văn H; có 03 con; bị bắt tạm giam từ ngày 22/12/2017 đến ngày 26/12/2017, tại ngoại - có mặt.

6. Nguyễn Thị N, sinh năm 1972 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn 6, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: Buôn bán; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; Quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu N (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1; có chồng Nguyễn Nam T; có 03 con; bị bắt tạm giam từ ngày 22/12/2017 đến 26/12/2017, tại ngoại - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 03/11/2017, Trần Thị H ngồi uống cà phê tại thôn 1, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông cùng với Nguyễn Việt T thì gặp Đặng Thị Q. Tại đây, H, T và Q rủ nhau

tìm nơi đánh bài phỏm ăn tiền thì tất cả đồng ý. H đi về trước, T ở lại quán uống cà phê còn Q đi về nhà. Khi đi ngang qua nhà Nguyễn Thị N tại thôn 6, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông, H ghé vào nhà N chơi thì gặp Lê Ngọc A và Vũ Văn B nên H, A và B rủ nhau chơi bài phỏm được thua bằng tiền. Lúc này N đang sửa điện ở ngoài đường, không biết việc các đối tượng rủ nhau đánh bạc tại nhà. Do thiếu người chơi nên H gọi điện rủ Nguyễn Việt T và Đặng Thị Q đến nhà N để tham gia đánh bạc. Một lúc sau T đến rồi cùng H, A và B vào phòng ngủ của N chơi đánh bài phỏm được thua bằng tiền. Lúc này, N cũng vào và cầm theo 02 bộ bài Tây 52 lá/01 bộ. H trải chiếu và chần lên nền nhà bắt đầu chơi. Tất cả đánh bạc được khoảng 30 phút thì Đặng Thị Q đến. Q ngồi xem một lúc rồi vào chơi cùng cửa với T nhưng chưa góp tiền. Q và T thay nhau cầm bài để đánh. Q chơi khoảng 20 phút thì nghỉ chơi đi về nhà nấu cơm. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Q quay lại cùng T thay nhau tiếp tục đánh bạc với những người nói trên. Q chơi một lúc thì nghỉ và lên giường nằm nhắn tin điện thoại. Khoảng 10 phút sau, N mang 05 hộp cơm vào cho các đối tượng đánh bạc trên ăn rồi ngồi xem đánh bạc, đồng thời đưa 02 bộ bài mới cho các đối tượng nói trên chơi. Trong quá trình chơi, A nói N cho A vay 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) để chơi đánh bạc thì N nói A lấy chỗ B rồi N sẽ trả tiền cho B sau. B đã cho A vay 2.000.000 đồng, sau đó N trả cho B 2.000.000 đồng. Ngoài ra, khi B đi ra ngoài vệ sinh, B nhờ N cầm bài đánh hai ván rồi vào lấy lại bài để chơi.

Cách thức chơi như sau: Tất cả sử dụng bộ bài tây 52 lá gồm: 04 (bốn) loại bài cùng chất (cơ, rô, chuồn, bích), mỗi chất bài có 13 lá bài từ quân A (xì), 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K. Mỗi người chơi được chia 09 lá bài, riêng người chia bài được chia 10 lá bài. Sau khi chia bài xong, người chia bài là người đánh lá bài đầu tiên sang cho người chơi ngồi kế bên theo vòng chơi, nếu người này thấy lá bài người vừa được đánh ra mà kết hợp với ít nhất 02 lá bài đang có trên tay tạo thành 03 lá bài cùng chữ hoặc số hoặc 03 lá bài tạo thành một dãy số hoặc chữ liên tiếp nhau cùng chất gọi là phỏm thì (gọi là “ăn” và được tính là “phỏm”) người ăn được lá bài lấy lá bài của người vừa đánh, đồng thời đánh đi 01 lá bài khác ra cho người chơi kế tiếp theo vòng chơi, cứ như vậy quay vòng cho tới khi có người nào có 09 lá bài trên tay tạo thành “phỏm” hết thì T ván bài đó và gọi là “ù”; nếu không có người nào “ù” thì sau khi đánh hết 04 quân bài, 04 người chơi cùng nhau hạ phỏm để tính điểm để tính T thua. Bài của người nhỏ điểm nhất là T, cách tính điểm là cộng tổng điểm các lá bài còn lại theo số và chữ, các chữ được tính như sau: quân A (xì) = 01 điểm, J = 11 điểm, Q = 12 điểm, K = 13 điểm. Cách tính tiền T thua cụ thể như sau: người T bằng cách “ù” thì mỗi người chơi còn lại phải trả số tiền 500.000 đồng/01 người; người T bằng tính điểm thì người thấp điểm thứ 2 trả cho người ít điểm nhất số tiền 100.000 đồng; người thấp điểm thứ 3 trả cho người T số tiền 200.000 đồng; người nhiều điểm nhất phải trả cho người T số tiền 300.000 đồng; người nào không có “phỏm” gọi là cháy phải trả cho người về nhất số tiền 400.000 đồng. Không chơi ù tròn, tứ quý, chỉ tính ăn mỗi quân là 100.000 đồng, ăn cây chót 400.000 đồng, mỗi lượt chơi tất cả sử dụng 01 bộ bài để bốc 01 quân bài bất kỳ làm quân bài “cá” mỗi quân bài cá được tính là 100.000 đồng. người nào ù thì bỏ ra 100.000 đồng để gom lại sau khi chơi xong thì đưa cho N để dọn dẹp.

Tất cả đánh bạc đến 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện Đắk Song bắt quả tang cùng tang vật, gồm: 04 bộ bài tây, 01 chiếu nhựa, 01 chăn và tổng số tiền 12.900.000 đồng (*mười hai triệu chín trăm nghìn đồng*).

Quá trình điều tra, các đối tượng khai nhận: Trước khi đánh bạc, Nguyễn Việt T mang theo 2.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc (*T vay của H khi uống cà phê*), quá trình đánh thì thua và khi bị bắt quả tang thì có khoảng 200.000 đồng trên chiếu (*bút lục số 67-68*). Trần Thị H khai sử dụng 800.000 đồng vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh thì T và khi bị bắt quả tang, H có 1.000.000 đồng trên chiếu (*bút lục số 75-76*). Lê Ngọc A khai sử dụng 2.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc, trong quá trình đánh bạc A vay N 2.000.000 đồng thì N bảo B đưa cho A. Sau đó đánh bạc A T nên đã trả cho B số tiền 2.000.000 đồng. Khi bị bắt quả tang A có khoảng 300.000 đồng trên chiếu bạc (*bút lục số 84-85*). Vũ Văn B khai mang theo số tiền khoảng 20.000.000 đồng nhưng chỉ sử dụng khoảng 4.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc (*B cho A vay 2.000.000 đồng, sau đó A đã trả B, N cũng đưa cho B 2.000.000 đồng*) còn lại số tiền 16.700.000 đồng là tiền để riêng để trả nợ cho N. Trước khi tham gia đánh bạc thì B đã trả cho N số tiền này. Trong quá trình đánh bạc thì T, khi bị bắt quả tang có 4.700.000 đồng trong túi áo và trên chiếu bạc (*bút lục số 93-96*). Đặng Thị Q khai không có tiền để đánh bạc nên chỉ nói chung tiền với T nhưng chưa đưa tiền, nếu T thì chia nhau còn thua thì nợ và trả T sau (*bút lục số 103- 104*). Nguyễn Thị N khai chỉ cầm bài đánh hộ cho B chứ không bỏ tiền ra để đánh bạc. (*bút lục số 110-111*).

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là khoảng 10.800.000 đồng đến 12.900.000 đồng. Khi bắt quả tang các đối tượng đang sử dụng vào đánh bạc và trong người các đối tượng là 12.900.000 đồng. Có sự chênh lệch này là do Vũ Văn B không nhớ chính xác số tiền ban đầu sử dụng vào mục đích đánh bạc là bao nhiêu. Trong quá trình đánh bạc, không ai cầm cố, thế chấp tài sản để sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Tại bản cáo trạng số 16/CTr-VKS, ngày 08 tháng 02 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song (VKSND huyện Đắk Song) đã truy tố các bị cáo Nguyễn Việt T, Vũ Văn B, Lê Ngọc A, Trần Thị H, Đặng Thị Q và Nguyễn Thị N, về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (gọi tắt là BLHS năm 1999).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện S giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Việt T, Vũ Văn B, Lê Ngọc A, Trần Thị H, Đặng Thị Q và Nguyễn Thị N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999.

Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Việt T, Vũ Văn B, Lê Ngọc A, Trần Thị H, Đặng Thị Q và Nguyễn Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999. Xử phạt: Nguyễn Việt T từ 07 tháng đến 09 tháng tù. Áp dụng Điều 51 BLHS năm 1999, tổng hợp hình phạt 02 năm tù tại bản án số 26/2018/HSPT ngày 06/3/2018 của TAND tỉnh Đắk Nông buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án từ 02 năm 07 tháng đến 02

năm 09 tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/11/2017 đến 31/01/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 07 tháng đến 09 tháng tù. Áp dụng Điều 51 BLHS năm 1999, tổng hợp hình phạt 06 tháng tù của bản án số 56/2017/HSST ngày 16/11/2017 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 năm 01 tháng đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ 03/11/2017 đến 10/11/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của BLHS năm 1999.

Xử phạt: bị cáo Vũ Văn B từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Lê Ngọc A từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Đặng Thị Q 05 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 30 BLHS năm 1999.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị N từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999, khoản 2 Điều 106 BLTTHS, đề nghị tịch thu tiêu hủy một 01 chăn vải màu xanh, 01 chiếu nhựa, 04 bộ bài Tú lơ khơ mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

Tịch thu số tiền 12.900.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc để sung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do ham chơi, vì mục đích tư lợi cá nhân nên vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 03/11/2017, tại nhà Nguyễn Thị N, thuộc thôn 6, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông, các bị cáo Nguyễn Việt T, Vũ Văn B, Lê Ngọc A, Trần Thị H, Đặng Thị Q đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng

tiền với hình thức đánh bài phỏm, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 12.900.000 đồng (*mười hai triệu chín trăm nghìn đồng*).

Nguyễn Thị N là chủ nhà, biết rõ các bị cáo khác đánh bạc nhưng để mặc cho các bị cáo đánh bạc tại nhà của mình. Đồng thời bị cáo còn có hành vi mua com cho các bị cáo khác ăn, cho bị cáo A mượn tiền, đưa bài cho các bị cáo đánh bạc và cầm bài đánh hộ bị cáo B nên hành vi này của Nguyễn Thị N đồng phạm về tội “Đánh bạc” với vai trò giúp sức.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Việt T, Vũ Văn B, Lê Ngọc A, Trần Thị H, Đặng Thị Q, Nguyễn Thị N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của BLHS năm 1999.

VKSND huyện Đắk Song truy tố các bị cáo Nguyễn Việt T, Vũ Văn B, Lê Ngọc A, Trần Thị H, Đặng Thị Q, Nguyễn Thị N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999, là có căn cứ pháp lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999 quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ Luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

[3] Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị tại địa phương. Đây cũng là nguyên nhân, tiền đề gây ra các tội phạm khác và làm giảm sút kinh tế gia đình và tác động xấu đến xã hội. Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Tuy nhiên cũng cần có sự phân hóa hành vi của các bị cáo để có mức án phù hợp đối với từng bị cáo, thể hiện tính công bằng và nghiêm minh của pháp luật.

Trong vụ án này, bị cáo Trần Thị H vừa là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đánh bạc vừa là người thực hành tích cực. Do đó bị cáo H có vai trò tích cực nhất. Cần xử phạt bị cáo mức hình phạt cao nhất so với mức hình phạt của các bị cáo khác mới phù hợp. Các bị cáo Nguyễn Việt T, Vũ Văn B, Lê Ngọc A, Đặng Thị Q có vai trò là ngang nhau nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt ngang nhau. Bị cáo Nguyễn Thị N tham gia với vai trò hạn chế nhất, bị cáo không trực tiếp tham gia đánh bạc mà chỉ có hành vi giúp sức. Bị cáo chưa được hưởng lợi gì từ việc các bị cáo khác đánh bạc trái phép nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm tất cả các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Các bị cáo Vũ Văn B, Lê Ngọc A, Đặng Thị Q, Nguyễn Thị N đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Các bị cáo Nguyễn Việt T, Vũ Văn B, Trần Thị H có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

[5] Đối với các bị cáo Nguyễn Việt T và Trần Thị H là người có nhân thân xấu, trong thời gian tại ngoại các bị cáo lại tiếp tục đánh bạc, thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội. Bên cạnh đó cần áp dụng Điều 51 BLHS năm 1999 để tổng hợp các bản án đã có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án mới phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với các bị cáo Vũ Văn B, Lê Ngọc A, Đặng Thị Q có nơi cư trú rõ ràng, ổn định; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được tự học tập, cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Thị N, HĐXX xét thấy không cần áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX nghĩ ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 3 Điều 248 BLHS năm 1999 phạt bổ sung các bị cáo Đặng Thị Q, Lê Ngọc A mỗi bị cáo 3.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Riêng các bị cáo Nguyễn Việt T, Vũ Văn B, Trần Thị H có hoàn cảnh khó khăn nên không phạt bổ sung đối với các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thị N đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 12.900.000 đồng là vật chứng mà các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với một 01 chăn vải màu xanh, 01 chiếu nhựa, 04 bộ bài Tú lơ khơ các bị cáo đã sử dụng làm công cụ để đánh bạc, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Việt T, Vũ Văn B, Lê Ngọc A, Trần Thị H, Đặng Thị Q, Nguyễn Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; p khoản 1 khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Xử phạt: bị cáo Trần Thị H 08 (Tám) tháng tù. Áp dụng Điều 51 BLHS năm 1999, tổng hợp hình phạt 06 (Sáu) tháng tù của bản án số 56/2017/HSST ngày 16/11/2017 của TAND huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ 03/11/2017 đến 10/11/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Việt T 07 (Bảy) tháng tù. Áp dụng Điều 51 BLHS năm 1999, tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm tù tại bản án số 26/2018/HSPT ngày 06/3/2018 của TAND tỉnh Đắk Nông buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 (Hai) năm 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2017 đến 31/01/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của BLHS năm 1999 (Riêng bị cáo Vũ Văn B áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999).

Xử phạt: bị cáo Vũ Văn B, Lê Ngọc A, Đặng Thị Q mỗi bị cáo 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27/3/2018.

Giao các bị cáo Vũ Văn B, Lê Ngọc A, Đặng Thị Q cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 30 BLHS năm 1999.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị N 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999; khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy một 01 chăn vải màu xanh, 01 chiếu nhựa, 04 bộ bài Tú lơ khơ.

- Tịch thu số tiền 12.900.000đ (Mười hai triệu chín trăm nghìn đồng) các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội để sung quỹ Nhà nước.

(Đặc điểm vật chứng và số tiền như biên bản giao nhận giữa Cơ quan CSĐT công an huyện Đắk Song và Chi cục THADS huyện Đắk Song ngày 26/3/2018).

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 248 BLHS năm 1999. Phạt bổ sung các bị cáo Đặng Thị Q, Lê Ngọc A mỗi bị cáo 3.000.000 (Ba triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc các bị cáo Nguyễn Việt T, Vũ Văn B, Lê Ngọc A, Trần Thị H, Đặng Thị Q, Nguyễn Thị N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV27 CA. tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS H. Đắk
Song;
- UBND xã T;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Âu